

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 341/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị định này quy định về các hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả về quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Các hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan không quy định tại Nghị định này được áp dụng theo quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan; người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan

1. Chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan; tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan; tổ chức, cá nhân phát hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội hoặc tổ chức, cá nhân được thừa kế quyền tác giả, quyền của người biểu diễn có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 198 của Luật số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15 đối với những hành vi vi phạm quy định tại Mục 1 Chương II của Nghị định này. Việc thực hiện quyền yêu cầu nêu trên theo quy định tại Mục 4 Chương VI của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan bao gồm:

a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Nghị định này; tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ Việt Nam;

b) Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan xảy ra trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet mà người tiêu dùng, người dùng hoặc người khai thác, sử dụng nội dung thông tin số tại Việt Nam cũng bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định này.

3. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt theo quy định tại khoản 2 của Điều này bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

b) Doanh nghiệp Việt Nam và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh); doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- d) Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan;
- đ) Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan;
- e) Tổ chức giám định về quyền tác giả, quyền liên quan;
- g) Tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;

h) Tổ chức nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan xảy ra trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet mà người tiêu dùng, người dùng hoặc người khai thác, sử dụng nội dung thông tin số tại Việt Nam;

- i) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hình thức xử phạt

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh tang vật vi phạm;

b) Tước quyền sử dụng Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

1. Buộc nêu đúng tên thật hoặc bút danh của tác giả hoặc tên người biểu diễn trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có thông tin sai lệch.

2. Buộc thông tin về tên tác giả, nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm, thông tin về cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.

3. Buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân.

4. Buộc nộp lại văn bản chấp thuận, Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp và gỡ bỏ bản sao các văn bản, Giấy chứng nhận, Thẻ đã cấp trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet.

5. Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại theo quy định tại Điều 83 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

6. Buộc tiêu hủy bản gốc, bản sao vi phạm, tang vật vi phạm.

7. Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông, mạng Internet hoặc trên phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào; gỡ bỏ hoặc xóa bản sao đã cung cấp tới công chúng trong liên thông thư viện.

8. Buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi báo, tạp chí in, các sản phẩm khác có in quảng cáo.

9. Buộc đặt thông báo về việc tạo bản sao phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với các thiết bị sao chép đặt trong khuôn viên thư viện.

10. Buộc có biện pháp kiểm soát số lượng người truy cập trong liên thông thư viện.

11. Buộc thông báo danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận; thông báo đầu mối liên lạc về vấn đề quyền tác giả, quyền liên quan tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định; gửi văn bản thông báo đến cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi thông tin của tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan.

12. Buộc công khai trên trang thông tin điện tử của tổ chức danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận của tổ chức, trừ trường hợp tổ chức không có trang thông tin điện tử; công khai đầy đủ Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán tại Hội nghị thường niên của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan và đăng tải đầy đủ trên trang thông tin điện tử của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan.

13. Buộc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

14. Buộc thu hồi bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận; tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tẩu tán.

15. Buộc cung cấp danh mục, thời lượng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã sử dụng trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan; cung cấp thông tin người dùng cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để phục vụ xác minh, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

16. Buộc gỡ bỏ biện pháp ngăn chặn, cản trở việc phổ biến, sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

17. Buộc cảnh báo cho người sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian về trách nhiệm pháp lý về quyền tác giả, quyền liên quan.

18. Buộc công bố quy trình nội bộ xử lý yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hoặc yêu cầu phản đối việc tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số trên hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian.

19. Buộc xây dựng công cụ tiếp nhận yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.

20. Buộc báo cáo kết quả thực hiện gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan cho cơ quan đã gửi yêu cầu và cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

21. Buộc tạm gỡ bỏ hoặc tạm ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số theo quy định; gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số theo quy định.

22. Buộc khôi phục lại nội dung thông tin số theo quy định.

23. Buộc đăng tải công khai thông tin tìm kiếm hoặc công khai đầy đủ thông tin về tác phẩm, đối tượng quyền liên quan, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền trên trang thông tin điện tử của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan.

24. Buộc gửi kèm các thông tin liên quan cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền.

25. Buộc thiết lập cơ chế giám sát để bảo đảm các khoản tiền bản quyền thu từ việc cấp phép được lưu trữ trong tài khoản tách biệt với các tài sản, tài khoản, các khoản thu, chi khác của tổ chức theo quy định; thiết lập cơ cấu tổ chức bộ máy của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định.

26. Buộc hoàn trả cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan khoản tiền giữ lại không theo tỷ lệ quy định hoặc khoản tiền sử dụng sai quy định của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan; hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan số tiền bản quyền thu được sai quy định.

27. Buộc bàn giao khoản tiền bản quyền thu được, các khoản lãi ngân hàng phát sinh và các tài liệu liên quan về cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý theo quy định.

28. Buộc xây dựng biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định.

29. Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 5. Mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức và xác định số lợi bất hợp pháp thu được, thiệt hại cho chủ sở hữu quyền, giá trị hàng hóa vi phạm

1. Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan đối với cá nhân là 250.000.000 đồng. Mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức là 500.000.000 đồng.

Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân. Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư vi phạm hành chính bị áp dụng mức phạt tiền như đối với cá nhân vi phạm hành chính.

2. Mức tiền phạt quy định tại Chương II của Nghị định này là mức tiền phạt áp dụng đối với cá nhân, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 35, các khoản 2, 3 và 4 Điều 37, các khoản 1, 2, 3, 4, 5, và 7 Điều 41, các Điều 45, 46, điểm d khoản 5 Điều 47 và Điều 48 của Nghị định này là mức tiền phạt áp dụng đối với tổ chức.

3. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương III của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân. Thẩm quyền phạt tiền áp dụng đối với tổ chức bằng 02 lần thẩm quyền phạt tiền áp dụng đối với cá nhân.

4. Trường hợp cần xác định số lợi bất hợp pháp thu được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 4 Điều 60 của Nghị định này.

5. Trường hợp cần xác định thiệt hại gây ra cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan do thực hiện hành vi vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì thực hiện theo quy định tại các Điều 204, 205 của Luật số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15 và Mục 3 Chương VI của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

6. Trường hợp cần xác định giá trị hàng hóa vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì việc xác định giá trị dựa trên một trong các căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Giá niêm yết hoặc giá ghi trên hợp đồng hoặc hoá đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu của hàng hóa xâm phạm;

b) Giá theo thông báo của cơ quan tài chính địa phương; trường hợp không có thông báo giá thì theo giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính;

c) Giá thành của tang vật, phương tiện nếu là hàng hoá chưa xuất bán;

d) Giá thực bán của hàng hóa xâm phạm;

đ) Giá nhập của hàng hóa xâm phạm.

7. Trường hợp không thể áp dụng được các căn cứ quy định tại khoản 6 Điều này để xác định giá trị hàng hóa vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ hàng hóa vi phạm và thành lập Hội đồng định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 60 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15.

8. Trường hợp xác định được nhiều hơn một căn cứ quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này mà dẫn đến khung tiền phạt khác nhau đối với cùng một hành vi vi phạm thì áp dụng căn cứ có khung tiền phạt thấp hơn để xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt.

Điều 6. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện và việc xử lý vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm hành chính nhiều lần

1. Hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đang được thực hiện được xác định theo nguyên tắc quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm hành chính và không áp dụng tình tiết tăng nặng do vi phạm hành chính nhiều lần khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 7; khoản 1 Điều 17; khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 37 của Nghị định này thì không xử phạt về từng hành vi vi phạm hành chính mà áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1

HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Điều 7. Hành vi xâm phạm quyền đặt tên, quyền đứng tên trên tác phẩm, nêu tên thật hoặc bút danh tác giả khi tác phẩm được công bố, sử dụng

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng tác phẩm mà không nêu tên thật hoặc bút danh tác giả trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng theo quy định;

b) Sử dụng tác phẩm mà nêu không đúng tên thật hoặc bút danh tác giả trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xâm phạm quyền đặt tên cho tác phẩm theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng tác phẩm mà cố ý nêu sai tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ tác phẩm trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi mạo danh tác giả, giả mạo tên, giả mạo chữ ký của tác giả trên tác phẩm.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nêu đúng tên thật hoặc bút danh tác giả trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có thông tin sai lệch về tên tác giả đối với hành vi quy định tại các khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

c) Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

d) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng hoặc buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại các khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 8. Hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tự ý sửa đổi, cắt xén tác phẩm gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xuyên tạc tác phẩm.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

c) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng hoặc buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 9. Hành vi xâm phạm quyền công bố tác phẩm

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi công bố tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 10. Hành vi xâm phạm quyền làm tác phẩm phái sinh

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm tác phẩm phái sinh mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi làm tác phẩm phái sinh ảnh hưởng đến quyền nhân thân quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15 mà không được sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

b) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 11. Hành vi xâm phạm quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi biểu diễn gián tiếp tác phẩm thông qua bản ghi âm, ghi hình hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào tại địa điểm mà công chúng có thể tiếp cận được nhưng công chúng không thể tự do lựa chọn thời gian và từng phần tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi biểu diễn trực tiếp tác phẩm trước công chúng mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp;

b) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 12. Hành vi xâm phạm quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê bản gốc, bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 13. Hành vi xâm phạm quyền phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao tác phẩm

1. Phạt tiền đối với cá nhân có hành vi phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao tác phẩm dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định như sau, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền đối với tổ chức có hành vi phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao tác phẩm dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định như sau, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 40.000.000 đồng;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

c) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

d) Từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao tác phẩm mỹ thuật mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả trong trường hợp không thể xác định được số lợi bất hợp pháp thu được hoặc thiệt hại của chủ sở hữu quyền tác giả hoặc giá trị hàng hóa vi phạm.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy bản gốc, bản sao vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

b) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 14. Hành vi xâm phạm quyền nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao tác phẩm

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy bản gốc, bản sao vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 15. Hành vi xâm phạm quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng tác phẩm

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi phát sóng, truyền đạt đến công chúng tác phẩm bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác, bao gồm cả việc cung cấp đến công chúng theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 16. Hành vi xâm phạm quyền sao chép tác phẩm

1. Phạt tiền đối với cá nhân có hành vi sao chép tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định như sau, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền đối với tổ chức có hành vi sao chép tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định như sau, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 40.000.000 đồng;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

c) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

d) Từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sao chép tác phẩm mỹ thuật mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả trong trường hợp không thể xác định được số lợi bất hợp pháp thu được hoặc thiệt hại của chủ sở hữu quyền tác giả hoặc giá trị hàng hóa vi phạm.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

b) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 17. Hành vi xâm phạm quyền được giới thiệu tên của người biểu diễn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không giới thiệu tên hoặc giới thiệu không đúng tên người biểu diễn khi biểu diễn, phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cố ý giới thiệu sai tên người biểu diễn khi biểu diễn, khi phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi mạo danh người biểu diễn để biểu diễn tác phẩm.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nêu đúng tên người biểu diễn trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có thông tin sai lệch về tên người biểu diễn đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

c) Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

d) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng hoặc buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 18. Hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn hình tượng biểu diễn

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tự ý sửa đổi, cắt xén hình tượng biểu diễn gây phương hại đến danh dự và uy tín của người biểu diễn.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xuyên tạc hình tượng biểu diễn.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

c) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên bản gốc, bản sao vi phạm hoặc buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 19. Hành vi xâm phạm quyền định hình cuộc biểu diễn trực tiếp

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi định hình cuộc biểu diễn trực tiếp trên bản ghi âm, ghi hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc trả cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 20. Hành vi xâm phạm quyền sao chép cuộc biểu diễn

1. Phạt tiền đối với cá nhân có hành vi sao chép cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền đối với tổ chức có hành vi sao chép cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 40.000.000 đồng;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

c) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

d) Từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

b) Buộc trả cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 21. Hành vi xâm phạm quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng cuộc biểu diễn chưa được định hình

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi phát sóng, truyền đạt đến công chúng cuộc biểu diễn chưa được định hình theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn, trừ trường hợp cuộc biểu diễn đó nhằm mục đích phát sóng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc trả cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 22. Hành vi xâm phạm quyền phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản định hình cuộc biểu diễn

1. Phạt tiền đối với cá nhân có hành vi phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao bản định hình cuộc biểu diễn dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền đối với tổ chức có hành vi phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao bản định hình cuộc biểu diễn dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 40.000.000 đồng;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

c) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

d) Từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy bản gốc, bản sao vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

b) Buộc trả cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 23. Hành vi xâm phạm quyền nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản định hình cuộc biểu diễn

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản định hình cuộc biểu diễn dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy bản gốc, bản sao vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 24. Hành vi xâm phạm quyền cho thuê thương mại tới công chúng bản gốc hoặc bản sao cuộc biểu diễn đã được định hình trong bản ghi âm, ghi hình

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê thương mại tới công chúng bản gốc hoặc bản sao cuộc biểu diễn đã được định hình trong bản ghi âm, ghi hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc trả cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 25. Hành vi xâm phạm quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng bản định hình cuộc biểu diễn

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi phát sóng, truyền đạt đến công chúng bản định hình cuộc biểu diễn, bao gồm cả cung cấp đến công chúng theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc trả cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 26. Hành vi xâm phạm quyền sao chép bản ghi âm, ghi hình

1. Phạt tiền đối với cá nhân có hành vi sao chép toàn bộ hoặc một phần bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền đối với tổ chức có hành vi sao chép toàn bộ hoặc một phần bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 40.000.000 đồng;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

c) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

d) Từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi trích ghép bản ghi âm, ghi hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

b) Buộc trả cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 27. Hành vi xâm phạm quyền phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình

1. Phạt tiền đối với cá nhân có hành vi phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao bản ghi âm, ghi hình dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền đối với tổ chức có hành vi phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao bản ghi âm, ghi hình dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 40.000.000 đồng;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

c) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

d) Từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy bản gốc, bản sao vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

b) Buộc trả cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 28. Hành vi xâm phạm quyền nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy bản gốc, bản sao vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 29. Hành vi xâm phạm quyền cho thuê thương mại tới công chúng bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê thương mại tới công chúng bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc trả cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 30. Hành vi xâm phạm quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng bản ghi âm, ghi hình

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi phát sóng, truyền đạt đến công chúng bản ghi âm, ghi hình, bao gồm cả cung cấp tới công chúng theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc trả cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 31. Hành vi xâm phạm quyền phát sóng, tái phát sóng chương trình phát sóng

1. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi phát sóng, tái phát sóng chương trình phát sóng mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc trả cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 32. Hành vi xâm phạm quyền phân phối đến công chúng bản định hình chương trình phát sóng

1. Phạt tiền đối với cá nhân có hành vi phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao bản định hình chương trình phát sóng dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền đối với tổ chức có hành vi phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao bản định hình chương trình phát sóng dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 40.000.000 đồng;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

c) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

d) Từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy bản gốc, bản sao vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

b) Buộc trả cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 33. Hành vi xâm phạm quyền nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản định hình chương trình phát sóng

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản định hình chương trình phát sóng dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy bản gốc, bản sao vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 34. Hành vi xâm phạm quyền định hình chương trình phát sóng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi định hình chương trình phát sóng mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc trả cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 35. Hành vi xâm phạm quyền sao chép bản định hình chương trình phát sóng

1. Phạt tiền đối với cá nhân có hành vi sao chép bản định hình chương trình phát sóng mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền đối với tổ chức có hành vi sao chép bản định hình chương trình phát sóng mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 40.000.000 đồng;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

c) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

d) Từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi trích ghép chương trình phát sóng mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

b) Buộc trả cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 36. Hành vi vận chuyển, tàng trữ hàng hóa sao chép lậu

1. Phạt tiền đối với hành vi vận chuyển hàng hóa sao chép lậu theo quy định như sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

đ) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 100.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng;

e) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 150.000.000 đồng trở lên hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 150.000.000 đồng trở lên.

2. Phạt tiền đối với hành vi tàng trữ hàng hóa sao chép lậu theo quy định như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

đ) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 100.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng;

e) Từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 150.000.000 đồng trở lên hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 150.000.000 đồng trở lên.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

b) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 37. Hành vi vi phạm quy định về trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả, ngoại lệ không xâm phạm quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thông tin về tên tác giả, nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm, về cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng khi sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã công bố trong trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả hoặc ngoại lệ không xâm phạm quyền liên quan.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm của thư viện theo quy định như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không đặt thông báo về việc tạo bản sao phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với các thiết bị sao chép đặt trong khuôn viên thư viện;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cho phép số lượng người đọc tại cùng một thời điểm vượt quá số lượng bản sao của tác phẩm do thư viện nắm giữ khi thực hiện sao chép hoặc truyền tác phẩm được lưu giữ để sử dụng liên thông thư viện thông qua mạng máy tính trong trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả, trừ trường hợp được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp ra bên ngoài khuôn viên của các thư viện được sử dụng hợp pháp các bản sao tác phẩm dưới dạng kỹ thuật số khi thực hiện sao chép hoặc truyền tác phẩm được lưu giữ để sử dụng liên thông thư viện thông qua mạng máy tính trong trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả, trừ trường hợp được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép.

3. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm của tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP theo quy định như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận của tổ chức mình hoặc không thực hiện chế độ báo cáo về việc thực hiện các hoạt động trong trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật với cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không công khai danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận của tổ chức trên trang thông tin điện tử của tổ chức, trừ trường hợp tổ chức không có trang thông tin điện tử;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi sao chép, phân phối, biểu diễn, truyền đạt tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận của tác phẩm trong trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật mà không có quyền tiếp cận hợp pháp bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;

d) Từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sao chép, phân phối, biểu diễn, truyền đạt tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận cho chủ thể không được quy định tại Điều 25a của Luật số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi sao chép, phân phối, biểu diễn, truyền đạt tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận của tác phẩm trong trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật mà không đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi ngăn chặn, cản trở người khuyết tật, người nuôi dưỡng, chăm sóc cho người khuyết tật, tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP sao chép, phân phối, biểu diễn, truyền đạt tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận của tác phẩm khi có quyền tiếp cận hợp pháp tới bản gốc hoặc bản sao tác phẩm theo quy định của pháp luật.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thông tin về tên tác giả, nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm, thông tin về cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc đặt thông báo về việc tạo bản sao phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với các thiết bị sao chép đặt trong khuôn viên thư viện đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c khoản 2, các điểm c, d khoản 3 và khoản 4 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp;

d) Buộc có biện pháp kiểm soát số lượng người truy cập trong liên thông thư viện theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

đ) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản sao đã cung cấp tới công chúng đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

e) Buộc thông báo danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận hoặc thực hiện chế độ báo cáo với cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

g) Buộc công khai trên trang thông tin điện tử của tổ chức danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, trừ trường hợp tổ chức không có trang thông tin điện tử;

h) Buộc thu hồi bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận đối với hành vi quy định tại các điểm c, d khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 38. Hành vi vi phạm quy định về trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp danh mục, thời lượng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan khi sử dụng tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại hoặc bản ghi âm, ghi hình đã được công bố nhằm mục đích thương mại trong nhà hàng, quán cà phê, khách sạn, cửa hàng, siêu thị, khu vui chơi, giải trí, trung tâm thương mại; câu lạc bộ thể dục, chăm sóc sức khỏe - thẩm mỹ, hàng không, giao thông công cộng và các hoạt động kinh doanh, thương mại có bản chất tương tự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 và khoản 1, khoản 2 Điều 33 của Luật số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan khi sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 và khoản 1, khoản 2 Điều 33 của Luật số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan khi sử dụng tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại hoặc bản ghi âm, ghi hình đã được công bố nhằm mục đích thương mại trong cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, quán bar, vũ trường và các hoạt động kinh doanh, thương mại có bản chất tương tự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 và khoản 1, khoản 2 Điều 33 của Luật số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi ngăn chặn, cản trở việc phổ biến, sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khi thực hiện quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cung cấp danh mục, thời lượng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã sử dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp;

c) Buộc gỡ bỏ biện pháp ngăn chặn, cản trở việc phổ biến, sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 39. Hành vi xâm phạm quyền áp dụng biện pháp công nghệ hữu hiệu bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cố ý hủy bỏ hoặc làm vô hiệu biện pháp công nghệ hữu hiệu do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan thực hiện để bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan của mình theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo, quảng bá, tiếp thị các thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện đó được sản xuất, sử dụng nhằm vô hiệu hóa biện pháp công nghệ hữu hiệu bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi phân phối, nhập khẩu, chào bán, bán, cho thuê hoặc tàng trữ nhằm mục đích thương mại các thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện, giới thiệu hoặc cung cấp dịch vụ khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị, sản phẩm, linh kiện hoặc dịch vụ đó được sản xuất, sử dụng nhằm vô hiệu hóa biện pháp công nghệ hữu hiệu bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất các thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện đó được sản xuất, sử dụng nhằm vô hiệu hóa biện pháp công nghệ hữu hiệu bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan.

5. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, chào bán, bán hoặc cho thuê thiết bị hoặc hệ thống khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị hoặc hệ thống đó giải mã trái phép hoặc chủ yếu để giúp cho việc giải mã trái phép tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

6. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi cố ý thu và phân phối tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa khi tín hiệu đã được giải mã mà không được phép của người phân phối hợp pháp.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh tang vật là thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này, trừ trường hợp thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện đó được nhập khẩu.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 5 và 6 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp;

c) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên quảng cáo hoặc buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi báo, tạp chí in, các sản phẩm khác có in quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi nhập khẩu quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

đ) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này;

e) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều này.

Điều 40. Hành vi xâm phạm quyền áp dụng thông tin quản lý quyền để tự bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cố ý xóa, gỡ bỏ hoặc thay đổi thông tin quản lý quyền mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan khi biết hoặc có cơ sở để biết việc thực hiện hành vi đó sẽ xúi giục, tạo khả năng, tạo điều kiện thuận lợi hoặc che giấu hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi cố ý phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm, bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng khi biết hoặc có cơ sở để biết thông tin quản lý quyền đã bị xóa, gỡ bỏ, thay đổi mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan; khi biết hoặc có cơ sở để biết việc thực hiện hành vi đó sẽ xúi giục, tạo khả năng, tạo điều kiện thuận lợi hoặc che giấu hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi cố ý phát sóng, truyền đạt hoặc cung cấp đến công chúng bản sao tác phẩm, bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng khi biết hoặc có cơ sở để biết thông tin quản lý quyền đã bị xóa, gỡ bỏ, thay đổi mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan; khi biết hoặc có cơ sở để biết việc thực hiện hành vi đó sẽ xúi giục, tạo khả năng, tạo điều kiện thuận lợi hoặc che giấu hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh tang vật là bản sao vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này, trừ trường hợp bản sao được nhập khẩu.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại;

c) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

đ) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 41. Hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm pháp lý về quyền tác giả, quyền liên quan đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian và cá nhân, tổ chức khác

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong trường hợp thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Không cảnh báo cho người sử dụng dịch vụ về trách nhiệm pháp lý của họ nếu họ thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Không công bố quy trình nội bộ xử lý yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hoặc yêu cầu phản đối việc tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số trên hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong trường hợp thực hiện hành vi không thông báo đầu mối liên lạc về vấn đề quyền tác giả, quyền liên quan tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định hoặc không công khai đầu mối liên lạc về vấn đề quyền tác giả, quyền liên quan trên trang thông tin điện tử của mình.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong trường hợp thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Không cung cấp thông tin người dùng khi nhận được yêu cầu bằng văn bản từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để phục vụ xác minh, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Không xây dựng công cụ tiếp nhận yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP trong trường hợp thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo cho bên có nội dung thông tin số bị gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập về hành vi gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền;

b) Không báo cáo kết quả thực hiện cho cơ quan đã gửi yêu cầu và cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong vòng 24 giờ kể từ khi gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không thông báo cho bên yêu cầu và bên bị yêu cầu về việc đã tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh do bên yêu cầu cung cấp trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu và đã thực hiện tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số đó theo quy định;

d) Không chuyển tiếp cho bên yêu cầu văn bản yêu cầu phản đối kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh do bên bị yêu cầu cung cấp trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được và đã thực hiện khôi phục lại nội dung thông tin số đã bị gỡ bỏ hoặc ngăn chặn;

đ) Không thông báo cho bên yêu cầu và bên bị yêu cầu về việc đã tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn ngay lập tức việc truy nhập tới nội dung thông tin số được phát trực tiếp khi nhận được yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh do bên yêu cầu chủ động cung cấp trước khi phát trực tiếp tối thiểu 24 giờ.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP trong trường hợp thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn nội dung thông tin số hoặc khôi phục lại nội dung thông tin số đã bị gỡ bỏ hoặc ngăn chặn khi chưa nhận đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh từ bên yêu cầu hoặc bên bị yêu cầu;

b) Không tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn của bên yêu cầu kèm theo tài liệu, chứng cứ, chứng minh theo quy định;

c) Không khôi phục lại nội dung thông tin số đã bị tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được thông báo của bên bị yêu cầu về việc phản đối việc tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh theo quy định;

d) Không tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn ngay lập tức việc truy nhập tới nội dung thông tin số được phát trực tiếp khi nhận được yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh do bên yêu cầu chủ động cung cấp trước khi phát trực tiếp tới thiếu 24 giờ.

6. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức trong trường hợp thực hiện hành vi lạm dụng quy trình gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh sai sự thật cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian.

7. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP trong trường hợp không thực hiện gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cảnh báo cho người sử dụng dịch vụ theo quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Nghị định này đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc công bố quy trình nội bộ theo quy định tại Khoản 18 Điều 4 của Nghị định này đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc thông báo đầu mối liên lạc theo quy định tại Khoản 11 Điều 4 của Nghị định này đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Buộc cung cấp thông tin người dùng theo quy định tại Khoản 15 Điều 4 của Nghị định này đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

đ) Buộc xây dựng công cụ tiếp nhận yêu cầu theo quy định tại Khoản 19 Điều 4 của Nghị định này đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

e) Buộc báo cáo kết quả thực hiện gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan cho cơ quan đã gửi yêu cầu và cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

g) Buộc tạm gỡ bỏ hoặc tạm ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số đối với hành vi quy định tại điểm b và điểm d khoản 5 Điều này;

h) Buộc khôi phục lại nội dung thông tin số đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 5 Điều này;

i) Buộc trả cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi quy định tại khoản 6 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp;

k) Buộc gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều này.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH KHÁC VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Điều 42. Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị chấp thuận và văn bản chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu hoặc đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực thông tin các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu hoặc đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung văn bản chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu hoặc đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan, trừ trường hợp vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi nêu trên đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại văn bản chấp thuận cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp và gỡ bỏ bản sao văn bản chấp thuận trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp đã cấp và hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 43. Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị chấp thuận và văn bản chấp thuận việc dịch hoặc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực thông tin các giấy tờ, tài liệu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại;

b) Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung văn bản chấp thuận thuộc một trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi nêu trên đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại;

b) Việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại văn bản chấp thuận cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp và gỡ bỏ bản sao văn bản chấp thuận trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp đã cấp và hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 44. Hành vi vi phạm quy định về đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực thông tin các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ để được cấp, cấp lại, cấp đổi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan khi đã có quyết định hủy bỏ hiệu lực hoặc thu hồi của cơ quan có thẩm quyền;

b) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, trừ trường hợp vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi nêu trên đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Không nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan khi cơ quan có thẩm quyền đã ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực hoặc thu hồi;

d) Lợi dụng thủ tục đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan để ngăn chặn, cản trở việc thực hiện quyền tác giả, quyền liên quan của tổ chức, cá nhân khác.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp và gỡ bỏ bản sao Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp đã cấp và hành vi quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 45. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đăng tải công khai thông tin tìm kiếm trên trang thông tin điện tử của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp không tìm thấy hoặc không liên lạc được với tác giả, đồng tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền để phân chia tiền bản quyền thu được.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Báo cáo không đầy đủ về hoạt động đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Công khai không đầy đủ Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán tại Hội nghị thường niên hoặc đăng tải không đầy đủ trên trang thông tin điện tử của tổ chức;

c) Không gửi kèm các thông tin về các khoản phải trả đối với mỗi tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được cấp phép sử dụng và khoảng thời gian diễn ra việc sử dụng làm căn cứ để thu và phân chia tiền bản quyền cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền khi thực hiện phân chia tiền bản quyền thu được.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Không công khai Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán tại Hội nghị thường niên hoặc không đăng tải trên trang thông tin điện tử của tổ chức;

c) Công khai không đầy đủ thông tin về tác phẩm, đối tượng quyền liên quan, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền cho tổ chức trên trang thông tin điện tử của tổ chức;

d) Không có cơ chế giám sát để bảo đảm các khoản tiền bản quyền thu từ việc cấp phép được lưu trữ trong tài khoản tách biệt với các tài sản, tài khoản, các khoản thu, chi khác của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật;

đ) Không thiết lập cơ cấu tổ chức bộ máy của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan để hội viên ủy quyền được quyền ứng cử, bầu cử vào các chức danh lãnh đạo, quản lý, kiểm soát của tổ chức.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động ngoài phạm vi hợp đồng ủy quyền bằng văn bản với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan;

b) Không công khai thông tin về tác phẩm, đối tượng quyền liên quan, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền cho tổ chức trên trang thông tin điện tử của tổ chức.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện các hoạt động mà không có hợp đồng ủy quyền bằng văn bản với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.

6. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Giữ lại khoản tiền không theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền bản quyền thu được của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Sử dụng sai quy định khoản tiền được giữ lại của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan;

c) Không thực hiện bàn giao khoản tiền bản quyền thu được, các khoản lãi ngân hàng phát sinh và các tài liệu liên quan đến việc ủy quyền, thu tiền bản quyền về cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý sau khi trừ chi phí quản lý, tìm kiếm theo quy định của pháp luật trong trường hợp đã quá 5 năm tìm kiếm mà không tìm thấy hoặc không liên lạc được với tác giả, đồng tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền;

d) Không xây dựng biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền theo quy định của pháp luật.

7. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động ngoài lĩnh vực đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

b) Hoạt động đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan vì mục đích lợi nhuận.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng tải công khai thông tin tìm kiếm trên trang thông tin điện tử của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này;

c) Buộc công khai đầy đủ Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán tại Hội nghị thường niên của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan và đăng tải đầy đủ trên trang thông tin điện tử của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này;

d) Buộc gửi kèm các thông tin liên quan đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

đ) Buộc công khai đầy đủ thông tin đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều này;

e) Buộc thiết lập cơ chế giám sát để bảo đảm các khoản tiền bản quyền thu từ việc cấp phép được lưu trữ trong tài khoản tách biệt với các tài sản, tài khoản, các khoản thu, chi khác của tổ chức theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

g) Buộc thiết lập cơ cấu tổ chức bộ máy của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;

h) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5; điểm a và điểm b khoản 7 Điều này;

i) Buộc hoàn trả cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan khoản tiền giữ lại không theo tỷ lệ quy định đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 6 Điều này;

k) Buộc hoàn trả cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan khoản tiền sử dụng sai quy định đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 6 Điều này;

l) Buộc bàn giao khoản tiền bản quyền thu được, các khoản lãi ngân hàng phát sinh và các tài liệu liên quan về cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 6 Điều này;

m) Buộc xây dựng biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 6 Điều này.

Điều 46. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động thu, phân chia tiền bản quyền theo ủy quyền mà không do tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đăng tải không đầy đủ Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán về hoạt động thu, phân chia tiền bản quyền trên trang thông tin điện tử của tổ chức.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Báo cáo không đầy đủ về hoạt động thu, phân chia tiền bản quyền theo ủy quyền cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Không đăng tải Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán về hoạt động thu, phân chia tiền bản quyền trên trang thông tin điện tử của tổ chức;

c) Công khai không đầy đủ thông tin về tác phẩm, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền cho tổ chức trên trang thông tin điện tử của tổ chức;

d) Không gửi kèm các thông tin về các khoản phải trả đối với mỗi tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được cấp phép sử dụng và khoảng thời gian diễn ra việc sử dụng làm căn cứ để thu và phân chia tiền bản quyền cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền khi thực hiện phân chia tiền bản quyền thu được.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về hoạt động thu, phân chia tiền bản quyền theo ủy quyền cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Không công khai thông tin về tác phẩm, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền cho tổ chức trên trang thông tin điện tử của tổ chức.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động ngoài phạm vi hợp đồng ủy quyền bằng văn bản với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan;

b) Trả tiền không theo đúng thỏa thuận với tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan trên tổng số tiền bản quyền thu được theo ủy quyền.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện các hoạt động mà không có hợp đồng ủy quyền bằng văn bản với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.

6. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi mạo danh tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan để hoạt động.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng tải đầy đủ Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đối với hành vi quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc đăng tải công khai thông tin đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này;

c) Buộc gửi kèm các thông tin đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

d) Buộc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này;

đ) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan số tiền bản quyền thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này;

e) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.

Điều 47. Hành vi vi phạm quy định về giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục giám định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không giải thích kết luận giám định khi có yêu cầu theo quy định.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lập hồ sơ giám định, không thực hiện việc bảo quản các hiện vật, tài liệu liên quan đến vụ việc giám định về quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Không giữ bí mật thông tin, tài liệu theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân có liên quan;

c) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung văn bản kết luận giám định, trù trừ hợp lý vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi nêu trên đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lợi dụng tư cách giám định và hoạt động giám định để trục lợi;

b) Cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật;

c) Thực hiện giám định về quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp phải từ chối giám định theo quy định;

d) Không thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình hoạt động giám định với cơ quan có thẩm quyền.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan, Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan, trừ trường hợp vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi nêu trên đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Kê khai không trung thực các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệp vụ giám định, hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan, hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

c) Thực hiện không đúng hình thức hoạt động giám định của giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan đã được ghi nhận theo quy định;

d) Tổ chức hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan hoạt động không đúng lĩnh vực giám định được ghi nhận trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện giám định khi không có Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Sử dụng Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan của người khác hoặc tổ chức khác để hành nghề giám định;

c) Cho người khác hoặc tổ chức khác sử dụng Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan để hành nghề giám định.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình hoạt động giám định cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 4 Điều này;

b) Buộc nộp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp và gỡ bỏ bản sao Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều này và hành vi quy định tại điểm b khoản 5 Điều này trong trường hợp đã cấp;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3, các điểm a, b, c khoản 4, các điểm c, d khoản 5 và khoản 6 Điều này.

Điều 48. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động của tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động tư vấn, dịch vụ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Không gửi văn bản thông báo đến cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi thông tin của tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi mạo danh tổ chức tư vấn, dịch vụ để tiến hành các hoạt động tư vấn, dịch vụ về quyền tác giả, quyền liên quan.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc gửi văn bản thông báo đến cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi thông tin của tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 49. Vi phạm quy định về niêm phong, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm trong quá trình thanh tra, kiểm tra

1. Tổ chức, cá nhân không được giao giữ, quản lý tang vật, phương tiện vi phạm bị niêm phong mà thực hiện một trong các hành vi sau đây thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tháo gỡ, phá bỏ niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đang bị niêm phong, tạm giữ;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi nhưng chưa tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đang được xem xét trong quá trình thanh tra, kiểm tra hoặc đang bị niêm phong, tạm giữ;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đang được xem xét trong quá trình thanh tra, kiểm tra hoặc đang bị niêm phong, tạm giữ.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đã bị thay đổi đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc thu hồi tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tẩu tán hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Chương III**THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
VÀ VIỆC THI HÀNH CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT,
BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ****Điều 50. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**

Các chức danh có thẩm quyền xử phạt quy định tại các Điều 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58 và 59 của Nghị định này; công chức, viên chức ngành văn hóa, thể thao và du lịch; người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ; người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu và những người được chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan thì được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 51. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II của Nghị định này xảy ra tại địa phương theo quy định tại Điều 52 của Nghị định này.

2. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam, Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 36, hành vi xảy ra trong hoạt động giao thông công cộng quy định tại khoản 2 Điều 38 và Điều 49 của Nghị định này theo quy định tại Điều 53 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực và một số chức danh khác có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này như sau:

a) Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của bộ; Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập; Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của bộ thành lập; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 54 của Nghị định này;

b) Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, khoản 1 Điều 11, các Điều 13, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 25, 26, 27, 30, 31, 32, 34, 35, 38, 39, 40, 41 và 49 của Nghị định này theo quy định tại khoản 2 Điều 54 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Giám đốc Sở Xây dựng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 36, hành vi xảy ra trong hoạt động giao

thông công cộng quy định tại khoản 2 Điều 38 và Điều 49 của Nghị định này theo quy định tại Điều 54 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Những người có thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13, 15, 16, 19, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 29, 30, 31, 32, 34, 35, 36, 37, 38, các khoản 1, 2, 4, 6 Điều 39, hành vi phân phối, chào bán, bán, cho thuê, tàng trữ nhằm mục đích thương mại, giới thiệu hoặc cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 39, hành vi sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, chào bán, bán hoặc cho thuê quy định tại khoản 5 Điều 39, các khoản 1, 3 Điều 40, hành vi phân phối quy định tại khoản 2 Điều 40 và các Điều 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49 của Nghị định này theo quy định tại Điều 55 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Những người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 14, 23, 28, 33, 36, hành vi nhập khẩu, xuất khẩu quy định tại khoản 3, 5 Điều 39, khoản 2 Điều 40 và Điều 49 của Nghị định này theo quy định tại Điều 56 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

6. Những người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 14, 23, 28, 33, 36, hành vi xảy ra trong hoạt động giao thông công cộng quy định tại khoản 2 Điều 38, hành vi nhập khẩu, xuất khẩu quy định tại các khoản 3, 5 Điều 39, khoản 2 Điều 40 và Điều 49 của Nghị định này theo quy định tại Điều 57 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

7. Những người có thẩm quyền xử phạt của Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 14, 23, 28, 33, 36, hành vi nhập khẩu, xuất khẩu quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 39, khoản 2 Điều 40 và Điều 49 của Nghị định này theo quy định tại Điều 58 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

8. Những người có thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 7, các Điều 12, 13, 15, 16, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 29, 30, 32, 35, 36, các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 38, hành vi phân phối, chào bán, bán, cho thuê, tàng trữ nhằm mục đích thương mại, giới thiệu hoặc cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 39, hành vi sản xuất quy định tại khoản 4 Điều 39, hành vi sản xuất, lắp ráp, biến

đổi, phân phối, chào bán, bán hoặc cho thuê quy định tại khoản 5 Điều 39, hành vi phân phối quy định tại khoản 2 Điều 40 và Điều 49 của Nghị định này theo quy định tại Điều 59 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 52. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- a) Phạt tiền đến 125.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

Điều 53. Thẩm quyền của Thanh tra

1. Thanh tra viên Cục Hàng không Việt Nam, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:

- a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng.

2. Trưởng đoàn thanh tra của Cục Hàng không Việt Nam, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:

- a) Phạt tiền đến 125.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

Điều 54. Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực và một số chức danh khác

1. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Xây dựng có quyền:

a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

2. Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của bộ, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

3. Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của bộ thành lập có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 55. Thẩm quyền của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và e khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

a) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 150.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và e khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt tiền đến 125.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

5. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ gồm: Trưởng phòng An ninh báo chí, xuất bản, Trưởng phòng An ninh văn hóa, thể thao và lao động xã hội, Trưởng phòng An ninh bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh giao thông, xây dựng, Trưởng phòng An ninh tài chính, đầu tư, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy nội địa, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao gồm: Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự xã hội, Trưởng phòng An ninh thông tin mạng, Trưởng phòng Bảo vệ an ninh hệ thống mạng thông tin quốc gia, Trưởng phòng Giám sát thông tin mạng và phòng, chống hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia; Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp trung đoàn; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng

Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại có quyền:

- a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

- a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

Điều 56. Thẩm quyền của Bộ đội Biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 12.500.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và e khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 75.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và e khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 150.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

- a) Phạt tiền đến 125.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

- a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

Điều 57. Thẩm quyền của Cảnh sát biển

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt tiền đến 12.500.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng trạm Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và e khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 150.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 125.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

Điều 58. Thẩm quyền của Hải quan

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 12.500.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng.

2. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu, Đội trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan, Đội trưởng Đội Phức tạp và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 150.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực, Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 125.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

Điều 59. Thẩm quyền của Quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:

a) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 150.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:

a) Phạt tiền đến 125.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:

a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và Điều 4 của Nghị định này.

Điều 60. Thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại văn bản chấp thuận, Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan thì thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện văn bản chấp thuận, Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp trong thời hạn được ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính và gửi biên lai hoặc tài liệu chứng minh đã nộp cho người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản này;

b) Người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản này phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp văn bản chấp thuận, Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp văn bản chấp thuận, Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan được cấp dưới dạng điện tử hoặc được thể hiện dưới hình thức thông điệp dữ liệu thì cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện buộc nộp lại văn bản chấp thuận, Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, Thẻ giám định viên

quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường điện tử theo quy định nếu đáp ứng được điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin. Việc buộc nộp lại văn bản chấp thuận, Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan được cập nhật trạng thái trên cơ sở dữ liệu hoặc căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử theo đúng quy định.

3. Trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm gửi văn bản xin lỗi cho tổ chức, cá nhân được xin lỗi và cho người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản này.

4. Trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc trả cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp hoặc biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm thì thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm trả cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan số lợi bất hợp pháp thu được hoặc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được và phải gửi biên lai hoặc tài liệu chứng minh đã nộp cho người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản này;

b) Số lợi bất hợp pháp quy định tại khoản này là vật, tiền, giấy tờ có giá và tài sản khác có được từ vi phạm hành chính mà tổ chức, cá nhân đã thực hiện, được xác định từ khi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính đến thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm;

c) Số lợi bất hợp pháp có được bằng tiền là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm hành chính và được tính bằng số tiền thu được từ việc chuyển nhượng, tiêu thụ hàng hóa, cung cấp dịch vụ vi phạm sau khi đã trừ chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa, dịch vụ căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó do tổ chức, cá nhân vi phạm cung cấp;

d) Căn cứ để xác định số tiền tổ chức, cá nhân vi phạm có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c khoản này bằng (=) số lượng hàng hóa, khối lượng dịch vụ đã chuyển nhượng, tiêu thụ nhân (x) với đơn giá hàng hóa, dịch vụ trừ (-) chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa hoặc dịch vụ (nếu tổ chức, cá nhân vi phạm có đầy đủ hồ sơ, chứng từ để chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó);

đ) Các căn cứ quy định tại điểm d khoản này được xác định cụ thể như sau: Số lượng hàng hóa hoặc khối lượng dịch vụ đã chuyển nhượng, tiêu thụ được xác định trên cơ sở kê khai của tổ chức, cá nhân vi phạm và kiểm tra, xác minh của người có thẩm quyền xử phạt. Đơn giá hàng hóa, dịch vụ được xác định trên cơ sở hồ sơ, chứng từ của tổ chức, cá nhân vi phạm. Trường hợp không có hồ sơ, chứng từ để xác định thì đơn giá được xác định theo giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ tương tự tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

Trường hợp không xác định được số lượng, khối lượng, đơn giá thì số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ việc chuyển nhượng, tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.

Trường hợp các tổ chức, cá nhân nhận gia công cho thương nhân nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm thì số lợi bất hợp pháp có được từ hoạt động gia công hàng hóa là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hoạt động gia công (tiền thuê, phí gia công) trừ (-) chi phí trực tiếp cấu thành nên tiền thuê gia công, tiền phí gia công (nếu tổ chức, cá nhân vi phạm có đầy đủ hồ sơ, chứng từ để chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó).

Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm chuyển nhượng, tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hàng hóa gia công thì số lợi bất hợp pháp phải nộp vào ngân sách nhà nước là toàn bộ số tiền nêu trên cộng (+) số tiền bằng với trị giá tang vật vi phạm hành chính có được do đã chuyển nhượng, tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

Trường hợp chuyển nhượng, tiêu thụ hàng cấm, hàng giả, hàng hóa nhập lậu hoặc cung cấp dịch vụ kinh doanh có điều kiện thì số lợi bất hợp pháp có được bằng tiền là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ việc chuyển nhượng, tiêu thụ hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ đó;

e) Số lợi bất hợp pháp là vật, tài sản khác mà tổ chức, cá nhân vi phạm thu được từ hành vi vi phạm hành chính là các tài sản khác theo quy định của Bộ luật Dân sự. Vật quy định tại khoản này được xác định theo quy định tại Điều 110, Điều 111, Điều 112, Điều 113, Điều 114 Bộ luật Dân sự. Tài sản khác quy định tại khoản này được xác định theo quy định tại Điều 105, Điều 107, Điều 109 và Điều 115 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp vật, tài sản khác không phải hàng cấm, hàng giả, hàng hóa nhập lậu đã được chuyển nhượng, tiêu thụ hoặc tiêu hủy thì số lợi bất hợp pháp được xác định bằng số tiền tương đương giá trị thị trường của tài sản cùng loại hoặc xác định theo giá trị sổ sách của tài sản (nếu không có giá trị thị trường) hoặc xác định bằng giá trị tiền của tài sản ghi trên tờ khai hàng

hóa xuất khẩu, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) của tổ chức, cá nhân vi phạm sau khi trừ chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó.

Trường hợp vật, tài sản khác là hàng cấm, hàng giả, hàng hóa nhập lậu đã được chuyển nhượng, tiêu thụ thì số lợi bất hợp pháp được xác định là tổng số tiền mà tổ chức, cá nhân nhận được khi thực hiện chuyển nhượng.

5. Trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet thì tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm thực hiện không chậm hơn 24 giờ kể từ khi nhận được quyết định thi hành biện pháp khắc phục hậu quả và phải báo cáo kết quả thực hiện cho người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản này chậm nhất là 24 giờ sau khi thực hiện.

6. Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thực hiện việc thu tiền phạt, trích chuyển nộp tiền phạt, hoàn trả tiền nộp phạt căn cứ theo quyết định xử lý vụ việc của người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật.

Điều 61. Chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Trong quá trình xem xét, xử lý vụ vi phạm đối với hành vi quy định tại Nghị định này, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải chuyển hồ sơ liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 62 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15.

Việc chuyển tang vật, phương tiện vi phạm hành chính liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 138/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.

2. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm xem xét, kết luận vụ việc và trả lời kết quả giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15.

Điều 62. Từ chối, dừng xử lý đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong xử phạt vi phạm hành chính

1. Cơ quan giải quyết đơn từ chối thụ lý đơn trong các trường hợp sau đây:

a) Đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm được nộp khi đang có tranh chấp, khiếu nại về chủ thể quyền, đối tượng được bảo hộ, phạm vi bảo hộ, thời hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Người yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm không đáp ứng yêu cầu của cơ quan giải quyết đơn về việc bổ sung tài liệu, chứng cứ, hiện vật cần thiết trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 80 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP;

c) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp đủ điều kiện áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Kết quả xác minh của cơ quan giải quyết đơn cho thấy không có xâm phạm như mô tả trong đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm;

đ) Có kết luận, quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc không đủ căn cứ xử lý hành vi xâm phạm;

e) Hành vi bị đề nghị xử lý trong đơn yêu cầu không phải là hành vi vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định này;

g) Đơn yêu cầu đã được cơ quan khác thụ lý giải quyết trong trường hợp đơn được gửi tới nhiều cơ quan cùng thẩm quyền xử lý.

2. Người thụ lý đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm phải dừng xử lý đơn trong các trường hợp sau đây:

a) Có phát sinh tranh chấp, khiếu nại về chủ thể quyền, đối tượng được bảo hộ, phạm vi bảo hộ, thời hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan sau khi đã thụ lý đơn và phải chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 80 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP;

b) Chưa có đủ căn cứ xác định hành vi xâm phạm sau khi đã thụ lý đơn;

c) Người nộp đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm có văn bản rút yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm hoặc đề nghị dừng xử lý vụ việc, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp có căn cứ xác định hành vi xâm phạm là vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt vẫn tiến hành thủ tục xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm đó, mặc dù nhận được thông báo rút yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm hoặc đề nghị dừng xử lý vụ việc quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 63. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2026.
2. Các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:
 - a) Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan;
 - b) Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo;
 - c) Điều 3 của Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đối với các nội dung liên quan.

Điều 64. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan có hiệu lực tại thời điểm hành vi vi phạm được thực hiện để xử lý.
2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định về xử phạt vi phạm hành chính tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt để giải quyết.

Điều 65. Trách nhiệm thi hành Nghị định

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Mai Văn Chính